

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Tú

2. Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ,
tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia
phiên tòa:** Bà Phạm Thị Liên– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Minh anh T, sinh năm 1995, vắng mặt
(chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tổ 28, ấp H, xã H, thị xã L, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1989, vắng mặt
(anh D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Trương Minh Anh Thư trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Trần Văn D tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 11/9/2014 (Giấy đăng ký số 43). Trong thời gian sống chung do anh D ghen tuông vô cớ nên giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, anh D nhiều lần xúc phạm đến danh dự và công việc của chị. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên chị xin ly hôn với anh D

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương A, sinh ngày 23/02/2015. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu A; không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Trần Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Trương Minh Anh T trình bày là đúng. Trong thời gian sống chung vợ chồng có cãi vã và anh đã có những lời lẽ xúc phạm đến chị T, nhưng nay anh đã biết lỗi, hối hận và muốn vợ chồng đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Anh như chị T trình bày. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con chung, anh không đồng ý giao con cho chị T.

Về chia tài sản: Anh D không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2]. *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Trương Minh Anh T và anh Trần Văn D là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã sỉ nhục lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh D. Anh D cũng thừa nhận mình có hành vi sỉ nhục, xúc phạm chị T và anh đã hối hận biết lỗi xin được đoàn tụ với chị T, nhưng trong thời gian chờ Tòa án giải quyết anh đã không thực sự hối lỗi mà còn tiếp tục ghen tuông dẫn đến hăm giết và đốt áo quần của chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên nghiêm trọng. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho chị T và anh D ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về nuôi con chung:* Chị T và anh D có 01 con chung. Hiện nay cháu A đang ở với chị T còn anh D thì hay đi về giữa L và H nên thời gian chăm sóc con không đầy đủ và đảm bảo bằng chị T đang ở tại L có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở ổn định, ngoài ra cháu A là nữ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần

giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về chia tài sản*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trương Minh Anh T và anh Trần Văn D.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trần Ngọc Phương A, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Trương Minh Anh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh D có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản*: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trương Minh Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai số 0016562 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND cấp xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phú Phước